

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ SINH HOẠT

A-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

- Nắm vững các khái niệm: ngôn ngữ sinh hoạt và phong cách ngôn ngữ sinh hoạt với các đặc trưng cơ bản.

2. Kỹ năng:

- Lĩnh hội và phân tích ngôn ngữ thuộc PCNNSH.

- Rèn luyện và nâng cao năng lực giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày.

3. Tư duy, thái độ, phẩm chất: Rèn luyện năng lực giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày, nhất là việc dùng từ, việc xưng hô, biểu hiện tình cảm, thái độ và nói chung là thể hiện văn hoá giao tiếp trong đời sống hiện nay. Biết bộc lộ thái độ, cảm xúc tự nhiên, chân thành... khi tạo lập văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

4. Định hướng phát triển năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực thẩm mỹ, năng lực tư duy; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

B-CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

GV: SGK, SGV Ngữ văn 10, Tài liệu tham khảo, Thiết kế bài giảng

HS: SGK, vở soạn, tài liệu tham khảo

C- PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

Gv kết hợp phương pháp đối thoại, trao đổi, nêu vấn đề, thảo luận, thực hành.

D- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức lớp:

2. Kiểm tra bài cũ: Nêu những đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết ?

3. Bài mới:

Hoạt động 1. Khởi động

Hàng ngày, chúng ta vẫn sử dụng ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp. Vậy ngôn ngữ sinh hoạt là gì? Các dạng biểu hiện của nó ntn? Bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu các vấn đề ấy.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới GV Hd hs tìm hiểu về <u>ngôn ngữ</u> sinh hoạt. HS đọc đoạn hội thoại, yêu cầu đọc đúng giọng điệu. - Cuộc hội thoại diễn ra ở đâu, khi nào? - Các nhân vật giao tiếp là những ai?	I/ Ngôn ngữ sinh hoạt 1. Khái niệm a. Khảo sát ngữ liệu *Ngữ liệu 1: SGK trang 113 - Hoàn cảnh giao tiếp: buổi trưa, tại khu tập thể X, Lan và Hùng gọi Hương đi học. - Nhân vật giao tiếp: Lan, Hùng, Hương, bố mẹ

- Nội dung và mục đích của cuộc hội thoại là gì? (Lời của các nhân vật tập trung vào vấn đề gì? Hướng tới mục đích giao tiếp ntn?) - Từ ngữ và câu văn trong đoạn hội thoại có đặc điểm gì? Tương tự ngữ liệu 1, phân tích biểu hiện ngôn ngữ sinh hoạt? ?Thế nào là ngôn ngữ sinh hoạt? Các dạng biểu hiện của ngôn ngữ sinh hoạt? Học sinh đọc ghi nhớ SGK. Hoạt động 3. Hoạt động thực hành Học sinh làm bài tập SGK	Hương. - Nội dung và mục đích: gọi Hương đi học. - Hình thức: Gọi – đáp. - Ngôn ngữ: + Từ: oi, đi, à, chứ...Từ hô gọi, tình thái. + Chúng mày, lạch bà lạch bạch...Từ thân mật, suồng sã, khẩu ngữ. + Câu ngắn, câu tỉnh lược, cảm thán đặc biệt... -> Gắn với đời sống sinh hoạt. * Ngữ liệu 2 - Hoàn cảnh giao tiếp: Chí Phèo say rượu, xách dao đến nhà Bá Kiến - Nội dung – Mục đích giao tiếp: Đòi lương thiện. - Ngôn ngữ: +Xưng hô: Tao, mày-> coi thường. + Thái độ: Thách thức, đe dọa, kiêu ngạo, tự hào. + câu: Cảm thán, câu đơn, câu hỏi... -> Gắn với đời sống sinh hoạt. b. Khái niệm: Ngôn ngữ sinh hoạt là lời ăn tiếng nói hàng ngày, dùng để thông tin, trao đổi ý nghĩ, tình cảm... đáp ứng những nhu cầu trong cuộc sống. 2. Các dạng biểu hiện của ngôn ngữ sinh hoạt: - Dạng nói (chủ yếu): độc thoại, đối thoại. - Dạng viết: nhật ký, hồi ức cá nhân, thư từ. + Trong tác phẩm văn học, dạng lời nói tái hiện -> ngôn ngữ đã được gọt giũa theo ý định chủ quan của người sáng tạo.
---	---

GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức.

Bài 1: Lựa chọn phương án đúng.

1. Trong các HDGT sau, hoạt động nào không thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt?

- A. Hai người bạn tâm sự với nhau.
- B. Bài giảng của cô giáo trên lớp.
- C. Lời chàng trai, cô gái trong bài ca dao “Thách cưới”
- D. Ý kiến phát biểu xây dựng bài của học sinh.

2. Nhận xét nào sau đây không đúng với ngôn ngữ sinh hoạt?

- A. Ngôn ngữ được sử dụng tự do thoải mái.
- B. Sử dụng từ tiếng lóng, từ địa phương, từ chuyên biệt.
- C. Ngôn ngữ được lựa chọn, gọt giũa, không dùng từ địa phương, từ tiếng lóng.
- D. Câu sử dụng tự do thoải mái, đôi khi không tuân theo quy tắc ngữ pháp.

(HS hoạt động nhóm)

Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng

Viết 1 đoạn văn bản sử dụng ngôn ngữ sinh hoạt.

***KL: Ghi nhớ SGK/ 114**

Bài 1.

Đáp án: 1. B, D.

2. C

Bài 3 a-

“Chẳng mất tiền mua”- Tài sản chung cộng đồng.

- Lựa lời: Nhấn mạnh đến khía cạnh lựa chọn, có trách nhiệm với lời nói.

“Vừa lòng nhau” – Tôn trọng người nghe, không a dua.

-> Nói thận trọng, có văn hoá.

* Vàng, chuông-> là vật chất, kiểm tra dễ dàng.

Người ngoan-> chỉ phẩm chất, năng lực- trừu tượng

-> Muốn hiểu phải có thời gian và bằng nhiều cách. Một trong những cách là Thử lời: Túc qua lời nói, biết được trình độ, nhân cách, quan hệ của người giao tiếp.

* Lưu ý:

- Khi giao tiếp phải sử dụng đúng NNSH.

- Ngôn ngữ sử dụng phải có suy nghĩ bởi nó thể hiện trình độ, con người của nhân vật giao tiếp.

Bài 3 b-

- Nhân vật gt: Ông Năm Hiên nói chuyện với dân làng.

- Xác định thời gian đi: sáng sớm hôm sau

- Thái độ của người nói: Gieo niềm tin cho dân làng

- Từ ngữ: Sử dụng từ địa phương

HS thực hành viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài.

Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung

4. Củng cố.

- Khái niệm và các dạng biểu hiện của ngôn ngữ sinh hoạt.

5. Dặn dò

- Hoàn thành bài tập.

- Chuẩn bị bài : “Tỏ lòng” (Phạm Ngũ Lão).